TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 524/2024/DS-PT Ngày 24-12-2024 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Thẩm phán Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 585/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959;

2. Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 7/24, đường V, khu phố 1, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1951;

2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1953;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 160, Ấp 1, xã T1, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền ông V, bà L: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số 160, ấp 1, xã T1, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Khu phố Bờ Thuyền, đường 3/2, thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2024 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của N đơn bà Nguyễn Thị T cùng ông Nguyễn Đức N có nội dung như sau:

Trước đây ông bà và ông V, bà L có mối quan hệ quen biết, nên ông bà có cho ông V và bà L vay số tiền 340.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/3/2022. Nội dung các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán như sau: Năm 2022 ông V và bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền 110.000.000 đồng, năm 2023 ông V, bà L có nghĩa vụ thanh toán 120.000.000 đồng và năm 2024 ông V và bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại 110.000.000 đồng.

Bà T, ông N thừa nhận bà L đã thanh toán được 5.000.000 đồng và tại Quyết định công nhận số 20/2023/QĐST-DS ngày 30/8/2022 của Toà án nhân dân thị xã K công nhận ông V, bà L có nghĩa vụ trả cho ông N và bà T số tiền 105.000.000 đồng và hiện nay ông V, bà L đã thi hành án xong về phần này. Nên ông bà khởi kiện yêu cầu ông V, bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền đến hạn của năm 2023 số tiền là 120.000.000 đồng.

Tại biên bản đối chất ngày 15/7/2024 của Toà án nhân dân thị xã K, ông bà trình bày: Biên nhận ngày 01/3/2022 số tiền 340.000.000 đồng bà L ký thực tế là số tiền ông V và bà L vay mượn các lần, cụ thể như sau: Bà L nhận lần thứ nhất là 35.000.000 đồng, lần thứ 02 là 70.000.000 đồng, còn lần thứ 3 số tiền là 70.000.000 đồng bà T1 nhận. Khi vay bà L và bà T1 có ký biên nhận cho ông N, bà T, biên nhận do ông N và bà T giữ. Tổng 03 lần vay là 175.000.000 đồng gốc còn lại toàn bộ là tiền lãi cộng dồn lên. Ông bà cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết toàn bộ nội dung biên nhận ngày 01/6/2023 số tiền 340.000.000 đồng (trong đó thể hiện trả thời hạn trả làm 03 lần năm 2022 trả 110.000.000 đồng, năm 2023 trả 120.000.000 đồng và lần cuối cùng năm 2024 là thanh toán xong) trong vụ án này, cam kết không khiếu nại thắc mắc gì.

Tại phiên tòa, ông bà trình bày các biên nhận ngày 24/5/2017 bà T1 ký 140.000.000 đồng, biên nhận ngày 27/9/2020 bà L ký 287.000.000 đồng và biên nhận ngày 01/3/2022 số tiền 340.000.000 đồng bà L ký nhưng tất cả các lần ký này chỉ có 175.000.000 đồng tiền gốc còn lại cộng dồn lãi. Ông bà vẫn thống nhất đề nghị tòa án xém xét lại toàn bộ nội dung toàn bộ số tiền vay gốc và lãi của ông V, bà L trong vụ án này. Nhưng nay ông bà xác định chỉ kiện mình bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 175.000.000 đồng - 110.000.000 đồng = 65.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày từ ngày 01/3/2022 đến ngày 09/9/2024 là

02 năm 06 tháng 08 ngày x 65.000.000 đồng x 0,83% = 16.329.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 81.329.000 đồng, không yêu cầu ông V có nghĩa vụ L đới vì ông bà chỉ giao dịch với bà L không giao dịch với ông V. Không đồng ý để bà T1 thanh toán vì ông bà cho bà L vay, bà L điện thoại vay của ông bà, bà T1 chỉ là người nhận thay cho bà L.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V và Bà Lê Thị L do ông Nguyễn Văn Q là người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau: Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết toàn bộ nội dung biên nhận ngày 01/3/2022 số tiền 340.000.000 đồng (trong đó thể hiện trả làm 03 lần các thời hạn như sau năm 2022 trả 110.000.000 đồng, năm 2023 trả 120.000.000 đồng và lần cuối cùng năm 2024) trong vụ án này, cam kết không khiếu nại thắc mắc gì. Tuy nhiên đề nghị Tòa án xem xét các nội dung sau: Thực tế bà L chỉ nhận 02 lần, lần 01 là 35.000.000 đồng, lần 02 là 70.000.000 đồng, còn lần thứ 3 số tiền là 70.000.000 đồng bà T1 nhận. Khi vay bà L và bà T1 có ký biên nhận cho ông N, bà T, biên nhận do ông N bà T giữ. Tổng 03 lần vay là 175.000.000 đồng gốc còn lại toàn bộ là tiền lãi cộng dồn trong các biên nhận.

Bị đơn đồng ý trả số tiền gốc 175.000.000 đồng - 110.000.000 đồng = 65.000.000 đồng và đề nghị điều tiết lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng đề nghị Tòa án xem xét số tiền bà T1 nhận thì bà T1 có nghĩa vụ thanh toán, bà L, ông V đã thanh toán xong số tiền ông V, bà L vay của ông N bà T.

Tại phiên tòa ông Qúi trình bày: Ông N đã ép buộc bà L ký các biên nhận trên do bà L bị bệnh cao huyết áp khi ký không có các con bên cạnh để giám hộ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sáu: Tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết toàn bộ nội dung biên nhận ngày 01/3/2022 số tiền 340.000.000 đồng trong đó thể hiện trả làm 03 các thời hạn như sau lần năm 2022 trả 110.000.000 đồng, năm 2023 trả 120.000.000 đồng và lần cuối cùng năm 2024 luôn trong vụ án này, cam kết không khiếu nại thắc mắc gì. Tuy nhiên đề nghị Tòa án xem xét các nội dung sau: Thực tế bà L chỉ nhận 01 lần 35.000.000 đồng, lần 02 là 70.000.000 đồng, còn lần thứ 3 số tiền là 70.000.000 đồng bà T1 nhận. Khi vay bà L và bà T1 có ký biên nhận cho ông N và bà T, biên nhận do ông N và bà T giữ. Tổng 03 lần vay là 175.000.000 đồng gốc còn lại toàn bộ là tiền lãi cộng dồn trong các biên nhận.

Bà T1 đồng ý trả số tiền gốc 175.000.000 đồng - 110.000.000 đồng = 65.000.000 đồng và đề nghị điều tiết lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng đề nghị Tòa án xem xét số tiền bà T1 nhận thì bà T1 có nghĩa vụ thanh toán, bà L, ông V đã thanh toán xong số tiền ông V, bà L vay của ông N bà T.

Tại phiên tòa, bà T1 trình bày: Thực tế bà L là người vay tiền, sau khi bà L điện thoại cho ông N và bà T thì bà ra nhận thay cho bà L số tiền 70.000.000 đồng từ ông N và bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã K đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị T đối với bà Lê Thị L về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị T số tiền 81.329.000 đồng, trong đó 65.000.000 đồng tiền gốc và 16.329.000 đồng tiền lãi.

2**.** Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 24/9/2024, Tòa án nhân dân thị xã K nhận được đơn kháng của bà Lê Thị L kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của N đơn cụ thể không đồng ý trả số tiền 81.329.000 đồng cho ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm*:*

N đơn không rút đơn khởi kiện và bị đơn vẫn giữ N yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị L trình bày:

Bà L đã lớn tuổi, sức khỏe yếu; nhưng khi ký giấy nhận nợ thì không có ai chứng kiến, ông N có lời lẽ đe dọa nên bà L mới ký giấy nhận nợ. Tại phiên tòa bà T1 xác nhận là người nhận tiền từ ông N và đồng ý trả nợ thay cho bà L, bà L không có nhận tiền nên không có nghĩa vụ trả nợ cho ông N, bà T. Ông Q đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bà T1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông N, bà T vì bà T1 là người nhận tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: bà là người nhận tiền nên bà tự nguyện trả cho ông N, bà T tổng gốc lãi là 81.329.000đồng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng.

N đơn ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị T trình bày: bà L là người vay tiền của ông, bà đã nhiều lần; bà T1 là con gái bà L chỉ đi nhận tiền thay cho bà L chứ ông ,bà không có cho chị T1 vay tiền nên ông, bà không đồng ý với lời trình bày của ông Quí và bà T1; Ông, bà đề nghị giữ N Bản án sơ thẩm.

Ngoài ra các đương sự thống nhất với các ý kiến đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Xét thấy, biên nhận ngày 27/9/2020 bà L đã viết và ký nhận có nội dung "Tôi Lê Thị L với Nguyễn Thị T3 ấp 1, xã T1 có mượn của em Nguyễn Thị T 287.000.000 đồng" trong đó thể hiện bao gồm gốc và lãi và Biên nhận ngày 01/3/2022 bà L đã ký biên nhận cộng dồn gốc và lãi của các khoản bà L, bà T1 cùng vay lên đến 340.000.000 đồng.

Tại Biên bản đối chất ngày 22/8/2023, bà L trình bày "Bà T1 là con ruột của tôi. Tôi có mượn của bà T tiền nhiều lần cho bà T1 làm ăn. Trong đó bà T1 có nhận trực tiếp từ bà T 70.000.000 đồng". Bà T1 trình bày "Bà L có mượn bà T dùm tôi nhiều lần trong đó tôi nhận trực tiếp từ bà T 70.000.000 đồng".

Theo các tài liệu trong hồ sơ dân sự thụ lý số 20/2023/DSST ngày 07/3/2023 của Toà án nhân dân thị xã K thể hiện tại Biên bản hoà giải ngày 11/4/2023 bà L trình bày "bà có mượn của ông N và bà T 02 lần, một lần 70.000.000 đồng và một lần 35.000.000 đồng, con tôi Nguyễn Thị T1 mượn 70.000.000 đồng. Tổng cộng gốc là 175.000.000 đồng"...Tuy nhiên bà L cũng xác định "tôi đồng ý vợ chồng tôi L đới trả cho ông N số nợ là 175.000.000 đồng và xin không tính lãi". Tại Biên bản đối chất ngày 15/7/2024 của Tòa án bà T1 thừa nhận từ trước đến nay bà không nói chuyện cũng không quen biết ông N và bà T để mượn tiền và tại phiên tòa sơ thẩm bà T1 trình bày bà L là người trực tiếp đứng ra vay tiền, bà chỉ là người nhận thay số tiền 70.000.000đ cho bà L.

Như vậy việc bà L mượn tiền dùm bà T1 là có thật và khi bà L ký vào biên nhận nợ cuối cùng ngày 01/3/2022 trên đã thể hiện việc bà L đồng ý nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của bà T1 sang cho bà L và được phía bà T, ông N đồng ý, hơn nữa ông N, bà T cũng xác định việc vay mượn này là do bà L gọi điện thoại ra hỏi vay tiền nên ông bà chỉ giao cho bà T1 nhận tiền thay còn người thực tế đứng ra vay mượn lại là bà L, ông bà không biết bà T1 là ai. Ông Qúi trình bày rằng bà L đã lớn tuổi, sức khỏe yếu; nhưng khi ký giấy nhận nợ thì không có ai chứng kiến, ông N có lời lẽ đe dọa nên bà L mới ký giấy nhận nợ nhưng không có gì chứng minh mà chỉ là lời nói một phía từ ông Qúi và không có chứng cứ chứng minh tại thời điểm bà L ký giấy nhận nợ thì bà L bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Với những chứng cứ như trên, nên Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, bà T, buộc bà L trả cho

ông N, bà T 81.329.000đ là có căn cứ, kháng cáo của bà L không có cơ sở chấp nhận.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ N bản án sơ thẩm thẩm số: 52/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Bị đơn là bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn không đồng ý trả số tiền 81.329.000 đồng cho ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Các đương sự đều thống nhất số nợ gốc là 175.000.000 đồng. Trong đó bà T giao cho bà L nhận lần thứ nhất là 35.000.000 đồng, lần thứ 02 là 70.000.000 đồng, còn lần thứ 3 là bà T1 con bà L nhận số tiền là 70.000.000 đồng. thống nhất trừ 110.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 65.000.000 đồng và nợ tiền lãi là 16.329.000 đồng, Tổng cộng cả gốc và lãi là 81.329.000 đồng.

[5] Tại biên nhận ngày 27/9/2020 (BL số 169) có nội dung "Tôi Lê Thị L với Nguyễn Thị Tiền ấp 1, xã T1 có mượn của em Nguyễn Thị T 287.000.000 đồng, trong vòng 1 năm không tính lãi" bà L là người viết và ký nhận.

[5]. Tại Biên bản đối chất ngày 22/8/2023 bà L trình bày "Bà T1 là con ruột của tôi. Tôi có mượn của bà T tiền nhiều lần cho bà T1 làm ăn. Trong đó bà T1 có nhận trực tiếp từ bà T 70.000.000 đồng". Bà T1 trình bày "Bà L có mượn bà T dùm tôi nhiều lần trong đó tôi nhận trực tiếp từ bà T 70.000.000 đồng", bà L xin bớt tiền lãi và trả dần 3.000.000đồng/tháng".

[6] Tại Biên bản đối chất ngày 15/7/2024 bà T1 thừa nhận từ trước đến nay bà không nói chuyện cũng không quen biết ông N và bà T để mượn tiền và tại phiên tòa sơ thẩm bà T1 trình bày bà L là người trực tiếp đứng ra vay tiền, bà chỉ là người nhận thay số tiền 70.000.000đ cho bà L.

[7] Tại Hợp đồng mượn tiền ngày 01/3/2022 bà L ký biên nhận cộng dồn gốc và lãi các khoản của bà L và bà T1 cùng vay là 340.000.000 đồng, bà L là người ký biên nhận, điều này thể hiện bà L đồng ý nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của bà T1 sang cho bà L. Ông N, bà T xác định việc vay

mượn này là do bà L gọi điện thoại ra hỏi vay tiền nên ông bà cho bà L vay, bà T1 chỉ là người nhận thay và ông N, bà T không đồng ý để bà T1 trả nợ mà yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả nợ. Do đó án sơ thẩm xác định các bên thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc và không trái đạo đức xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị T là có cơ sở.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[8] Về án phí phúc thẩm: bà Lê Thị L được miễn án phí theo quy định.

[9] Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 52/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã K.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 296 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, 280, 370, 463, 465, 466, 468, 470, 562 Bộ luật Dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị T đối với bà Lê Thị L về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị T số tiền 81.329.000 đồng, trong đó 65.000.000 đồng tiền gốc và 16.329.000 đồng tiền lãi.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3. Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TX K;
- Chi cục THADS TX K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Thẩm phán	Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
Nguyễn Văn Thu - Trần Quốc Khánh	**Trần Tấn Quốc**